

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Nhung và bà Lê Thu Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1968; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: tổ 5, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Ngọc Q**, sinh năm: 1965; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: tổ 5, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q đều vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q có thời gian tìm hiểu rồi về chung sống với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được gia đình nội, ngoại hai bên chứng kiến và tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống từ trước đến nay, ông Q bà T không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu, ông bà chung sống với nhau hòa thuận, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, bà T có đơn khởi kiện muốn chấm dứt hôn

nhân (ly hôn), yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà và ông Q là vợ chồng.

Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q có 01 con chung là Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 18/7/1993, đã trên 18 tuổi, hiện có gia đình riêng, bà T và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Bà T và ông Q không có khoản nợ chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị T trình bày: Bà và ông Q có tìm hiểu, về chung sống và có con chung với nhau như nội dung nêu trên. Từ khi về chung sống đến nay, bà và ông Q không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến nay vợ chồng mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng luôn lạnh nhạt, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau. Dần dần tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà và ông Q đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà và ông Q đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bà nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc và không muốn đoàn tụ. Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Q.

Ông Đỗ Ngọc Q có lời khai thừa nhận toàn bộ quá trình chung sống, có con chung và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung trên. Từ trước đến nay, Ông và bà T không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay, bà T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố ông và bà T không phải là vợ chồng, ông cũng đồng ý.

Tại các biên bản xác minh ngày 17/6/2022 và ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, Ủy ban nhân dân các phường Hồng Hà và Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - nơi bà T và ông Q đã và đang cư trú cho biết: Từ trước đến nay, bà T và ông Q không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân các phường này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

1) Về việc tuân theo pháp luật của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2) Về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào nội dung trình bày của đương sự, ý kiến của chính quyền địa phương nơi các đương sự đã và đang cư trú. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là một loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q đều có lời khai thừa nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay là hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tại các biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các đương sự cư trú đều cho biết bà T và ông Q không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã kéo dài, hai bên đều nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân (ly hôn).

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q từ năm 1991 đến nay được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình các năm 1986, 2000 và 2014.

Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định”.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng...” (khoản 1 Điều 11); “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn là cơ quan đăng ký kết hôn...” (Điều 12).

Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”* (khoản 1 Điều 9); *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* (khoản 1 Điều 14); *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”* (khoản 2 Điều 53).

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh từ chính quyền địa phương và các quy định của pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Về mặt pháp luật, bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q không có quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông Q có 01 con chung là Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 18/7/1993. Con chung Đỗ Thị Ngọc Q đã trên 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ, bà T và ông Q đều không yêu cầu về việc nuôi dưỡng, Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về các khoản nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tuân tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đỗ Thị T.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/000765 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; bà Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. Hồng Hải, P. Hồng Hà, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh;
- VKSND TP. Hạ Long;
- THADS TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA